AASCS

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN PHÍA NAM
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH THẠNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho 06 tháng đầu năm 2026 kết thúc tại ngày 30/06/2026

29 Vo Thi Sau Street, District 1, Ho Chi Minh City

A Member of msi Global Alliance

Member of MSI Global Alliance

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH THẠNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho 06 tháng đầu năm 2026 kết thúc tại ngày 30/06/2026

Tổ chức kiểm toán:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)
THÀNH VIÊN CỦA TỔ CHỨC KIỂM TOÁN QUỐC TẾ MSI GLOBAL ALLIANCE
29 Võ Thị Sáu, P. Tân Định, TP. Hồ Chí Minh. Tel: (028) 3820 5944 - 3820 5947; Fax: (028) 3820 5942

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	03 - 05
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	06 - 07
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
- Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ	08 - 11
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	12 - 12
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	13 - 14
- Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	15 - 55

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho 06 tháng đầu năm 2026 kết thúc tại ngày 30/06/2026.

I. CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh (GILIMEX) tiền thân là doanh nghiệp nhà nước thành lập năm 1982 trực thuộc UBND TP. HCM thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 134/2000/QĐ-TTg của Chính phủ ban hành ngày 24/11/2000 về việc chuyển Công Ty Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh thành Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh.

Theo giấy chứng nhận ĐKKD lần đầu số 4103000253 cấp ngày 29/12/2000 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 28 số 0302181666 ngày 22/09/2025 do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	:	1.016.000.660.000	VND
Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2026	:	1.016.000.660.000	VND

Trụ sở chính của Công ty tại 334A Phan Văn Trị, P. Bình Lợi Trung, TP. Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại, dịch vụ, xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm;
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
- Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục);
- Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng;
- Sản xuất thiết bị điện khác;
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác;
- Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu;
- Chế biến và bảo quản rau quả;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Hoạt động cấp tín dụng khác;
- Sản xuất điện.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

	06 tháng đầu năm 2026	06 tháng đầu năm 2025
Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo Kết quả kinh doanh	37.619.471.580	(32.458.135.416)
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tình hình tài chính	854.329.556.140	817.081.751.260

III. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 10/08/2026, Công ty nhận được Đơn xin từ nhiệm chức vụ Giám đốc tài chính và Kế toán trưởng của bà Nguyễn Thị Minh Hiếu. Các thủ tục cần thiết liên quan đến việc từ nhiệm tại Công ty sẽ được thực hiện và bàn giao theo như quy định của pháp luật.

IV. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, ỦY BAN KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN TRƯỞNG VÀ ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Hội đồng Quản trị

Ông	Lê Hùng	Chủ tịch
Ông	Nguyễn Hữu Phúc	Thành viên
Ông	Hoàng Tiến Đạt	Thành viên
Ông	Trần Thanh Tùng	Thành viên
Ông	Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên

Ban Giám đốc

Bà	Phạm Thị Ánh Nguyệt	Tổng Giám đốc

Ủy ban Kiểm toán

Ông	Trần Thanh Tùng	Chủ tịch
Ông	Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Ông	Lê Hùng	Chủ tịch HĐQT

Kế toán trưởng

Bà	Nguyễn Thị Minh Hiếu

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ủy ban Kiểm toán sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

V. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) được bổ nhiệm thực hiện công tác soát xét các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho Công ty.

VI. CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho 06 tháng đầu năm kết thúc ngày 30/06/2026. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Hội đồng Quản trị Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này;
- Lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng Quản trị Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2026, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho 06 tháng đầu năm 2026 kết thúc tại ngày 30/06/2026, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

VII. CAM KẾT KHÁC

Hội đồng Quản trị cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và các thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung.

TP.HCM, ngày 27 tháng 08 năm 2026

TM. Hội đồng Quản trị

Lê Hùng
Chủ tịch

Số: 755 /BCSX-TC/2026/AASCS

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH THẠNH

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh, được phê duyệt ngày 27/08/2026, từ trang 08 đến trang 55, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ tại ngày 30/06/2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho 06 tháng đầu năm kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Đến thời điểm phát hành báo cáo soát xét, vụ kiện giữa Công ty và khách hàng Amazon vẫn đang trong quá trình tố tụng và Công ty đang thực hiện các quyền pháp lý theo quy định, bao gồm quyền kháng cáo. Hàng tồn kho có liên quan đến vụ kiện hiện vẫn được Công ty bảo quản trong điều kiện phù hợp, duy trì trạng thái và chất lượng theo tiêu chuẩn để sẵn sàng cho việc xử lý, xuất bán hoặc thực hiện các phương án thương mại phù hợp tùy thuộc vào diễn biến của vụ kiện và các điều kiện liên quan. Trên cơ sở các thông tin và tài liệu hiện có, Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với số hàng này tại ngày 30/06/2026. Vì vậy, chúng tôi chưa thể ước tính tổn thất, đánh giá giá trị có thể thu hồi được của số lượng sản phẩm này để xác định giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho liên quan đến vụ kiện trên.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ tại ngày 30/06/2026, cũng như kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ và các luồng lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho cho 06 tháng đầu năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2026

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Mỹ Ngọc

Số GCNĐKHN Kiểm toán: 1091-2023-142-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**1.466.365.771.946**	**1.398.261.635.343**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.1**	**44.348.324.565**	**56.998.460.298**
1. Tiền	111		44.348.324.565	42.998.460.298
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	14.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**V.3**	**27.290.387.486**	**15.539.122.670**
1. Chứng khoán kinh doanh	121		64.057.991.077	64.057.991.077
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(51.872.040.577)	(48.599.369.777)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		15.104.436.986	80.501.370
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124		-	-
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125		-	
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác	126		-	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**286.694.293.132**	**255.917.709.465**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	52.080.128.509	40.849.926.608
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		201.050.551.929	183.273.323.658
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.4	33.563.612.694	31.794.459.199
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136		-	-
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	**140**	**V.5**	**1.063.974.213.061**	**1.038.988.544.873**
1. Hàng tồn kho	141		1.063.974.213.061	1.038.988.544.873
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		-	-
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	**150**		-	-
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151		-	-
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		-	-
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn	153		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	**160**		**44.058.553.702**	**30.817.798.037**
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.7	733.878.814	1.047.019.954
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		41.955.592.117	27.626.498.433
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	V.13	1.369.082.771	2.144.279.650
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**1.412.549.227.859**	**1.418.947.428.224**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**1.259.420.000**	**1.264.420.000**
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu dài hạn khác	215	V.4	1.259.420.000	1.264.420.000
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216		-	-

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
II. Tài sản cố định	**220**		**152.207.598.985**	**154.807.144.342**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	140.518.748.124	142.442.655.375
- Nguyên giá	*222*		*292.078.474.604*	*290.948.419.105*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(151.559.726.480)*	*(148.505.763.730)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	*225*		-	-
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*226*		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	11.688.850.861	12.364.488.967
- Nguyên giá	*228*		*20.778.773.817*	*20.778.773.817*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		*(9.089.922.956)*	*(8.414.284.850)*
III. Tài sản sinh học dài hạn	**230**		-	-
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		-	
a) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	232		-	
b) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233		-	-
- Nguyên giá	*234*		-	-
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*235*		-	-
2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236		-	-
3. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237		-	-
4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn	238		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	**240**		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn luỹ kế	242		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	**250**	**V.6**	**8.816.915.990**	**9.496.916.270**
1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		8.816.915.990	9.496.916.270
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	**260**	**V.3**	**1.247.281.893.298**	**1.250.270.871.138**
1. Đầu tư vào công ty con	261		1.234.940.634.994	1.234.940.634.994
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		22.183.592.681	22.183.592.681
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		-	-
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		(10.212.334.377)	(7.103.356.537)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265		370.000.000	250.000.000
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	266		-	-
VII. Tài sản dài hạn khác	**270**		**2.983.399.586**	**3.108.076.474**
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.7	1.626.590.462	1.751.267.350
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	V.17	1.356.809.124	1.356.809.124
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	274		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280=100+200)	**280**		**2.878.914.999.805**	**2.817.209.063.567**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**336.844.728.622**	**309.877.423.964**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**336.811.728.622**	**309.844.423.964**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	74.015.396.850	71.981.874.658
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.009.621.940	4.546.538.400
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	V.12	589.070.525	590.506.925
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.13	5.001.006.210	9.635.937.874
5. Phải trả người lao động	315		2.665.390.554	5.400.177.581
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.14	968.648.545	377.451.186
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng ngắn hạn	318		-	
9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319	V.16	662.860.284	
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.15	8.477.226.931	6.824.551.700
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.10	240.376.659.970	210.441.538.827
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		-	-
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		45.846.813	45.846.813
14. Quỹ bình ổn giá	324		-	-
15. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
II. Nợ dài hạn	**330**		**33.000.000**	**33.000.000**
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333		-	-
4. Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
5. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	335		-	-
6. Phải trả nội bộ dài hạn	336		-	-
7. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337		-	-
8. Phải trả dài hạn khác	338	V.15	33.000.000	33.000.000
9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339		-	-
10. Trái phiếu chuyển đổi	340		-	-
11. Cổ phiếu ưu đãi	341		-	-
12. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		-	-
13. Dự phòng phải trả dài hạn	343		-	-
14. Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	344		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**	**V.18**	**2.542.070.271.183**	**2.507.331.639.603**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.016.000.660.000	1.016.000.660.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*1.016.000.660.000*	*1.016.000.660.000*
- Cổ phiếu ưu đãi	*411b*		-	-
2. Thặng dư vốn	412		653.799.946.443	653.799.946.443
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		(38.480.000)	(38.146.700)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		17.978.588.600	20.487.428.600
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		854.329.556.140	817.081.751.260
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*420a*		*817.081.751.260*	*799.051.813.368*
- LNST chưa phân phối kỳ này	*420b*		*37.247.804.880*	*18.029.937.892*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**2.878.914.999.805**	**2.817.209.063.567**

Phê duyệt, ngày 27 tháng 08 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Người đại diện theo pháp luật
Dương Ngọc Hải	Nguyễn Thị Minh Hiếu	Lê Hùng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2026 kết thúc tại ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2026	06 tháng đầu năm 2025
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**VI.1**	**315.589.893.721**	**137.973.732.652**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	**10**		**315.589.893.721**	**137.973.732.652**
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	247.116.079.961	113.863.850.080
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	**20**		**68.473.813.760**	**24.109.882.572**
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.3	28.840.442.314	14.308.580.653
8. Chi phí tài chính	23	VI.4	17.356.402.362	19.860.247.898
- Trong đó: chi phí đi vay	*24*		*7.166.585.945*	*1.326.426.279*
9. Chi phí bán hàng	25	VI.7	1.638.201.270	137.734.029
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	36.397.261.910	38.358.725.483
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+21+22-(23+25+26)}	**30**		**41.922.390.532**	**(19.938.244.185)**
12. Thu nhập khác	31	VI.5	20.370.911	1.461.888.818
13. Chi phí khác	32	VI.6	250.697.516	13.981.780.049
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	**40**		**(230.326.605)**	**(12.519.891.231)**
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	**50**		**41.692.063.927**	**(32.458.135.416)**
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	4.072.592.347	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.9	-	-
18. Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (60=50-51-52)	**60**		**37.619.471.580**	**(32.458.135.416)**
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		-	-
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		-	-

Phê duyệt, ngày 27 tháng 08 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Người đại diện theo pháp luật
Dương Ngọc Hải	Nguyễn Thị Minh Hiếu	Lê Hùng

(*) Chỉ trình bày hai chỉ tiêu này trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho 06 tháng đầu năm 2026 kết thúc tại ngày 30/06/2026 của Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho 06 tháng đầu năm 2026 kết thúc tại ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2026	06 tháng đầu năm 2025
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	**01**		**41.692.063.927**	**(32.458.135.416)**
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		3.739.737.388	8.633.154.861
- Các khoản dự phòng	03		6.381.648.640	5.397.498.508
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.675.533.075)	290.403.734
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(23.523.723.025)	(749.270.177)
- Chi phí đi vay	06		7.166.585.945	1.326.426.279
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**		**33.780.779.800**	**(17.559.922.211)**
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(44.057.470.779)	44.553.003.297
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(24.985.668.188)	(18.157.367.133)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(444.887.818)	(170.573.864.047)
- (Tăng)/giảm chi phí chờ phân bổ	12		427.681.496	385.068.218
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Chi phí đi vay đã trả	14		(4.537.847.492)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(9.073.541.206)	(6.770.981.155)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.880.840.000)	(2.797.840.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**(51.771.794.187)**	**(170.921.903.031)**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(450.055.219)	(430.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	250.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(15.135.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	15.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(10.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		23.658.453.026	61.760.742
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**8.073.397.807**	**14.871.760.742**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		288.148.190.815	145.409.939.204

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho 06 tháng đầu năm 2026 kết thúc tại ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2026	06 tháng đầu năm 2025
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(257.944.760.840)	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**30.203.429.975**	**145.409.939.204**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	**50**		**(13.494.966.405)**	**(10.640.203.085)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**V.1**	**56.998.460.298**	**39.368.482.079**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		844.830.672	17.114.530
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	**70**	**V.1**	**44.348.324.565**	**28.745.393.524**

Phê duyệt, ngày 27 tháng 08 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Người đại diện theo pháp luật
Đương Ngọc Hải	Nguyễn Thị Minh Hiếu	Lê Hùng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2026 kết thúc tại ngày 30/06/2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh (GILIMEX) tiền thân là doanh nghiệp nhà nước thành lập năm 1982 trực thuộc UBND TP. HCM thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 134/2000/QĐ-TTg của Chính phủ ban hành ngày 24/11/2000 về việc chuyển Công Ty Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh thành Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh.

Theo giấy chứng nhận ĐKKD lần đầu số 4103000253 cấp ngày 29/12/2000 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 28 số 0302181666 ngày 22/09/2025 do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	:	1.016.000.660.000 VND
Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2026	:	1.016.000.660.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 334A Phan Văn Trị, P. Bình Lợi Trung, TP. Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại, dịch vụ, xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm;
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
- Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục);
- Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng;
- Sản xuất thiết bị điện khác;
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác;
- Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu;
- Chế biến và bảo quản rau quả;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Hoạt động cấp tín dụng khác;
- Sản xuất điện.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ: Không có

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2026 kết thúc tại ngày 30/06/2026

6. Mô hình hoạt động

Tên & địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty con				
- Công Ty TNHH May Thạnh Mỹ	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
+ Địa chỉ: Cụm Công nghiệp - Tiểu thủ Công nghiệp Hắc Dịch, Phường Tân Thành, Thành phố Hồ Chí Minh.				
- Công Ty TNHH MTV Bất Động Sản Gia Định	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
+ Địa chỉ: 572 Lê Quang Định, Phường Hạnh Thông, Thành phố Hồ Chí Minh.				
- Công Ty Cổ Phần May Hàng Gia Dụng Gilimex - PPJ	99,45%	99,45%	99,45%	99,45%
+ Địa chỉ: 334A Phan Văn Trị, Phường Bình Lợi Trung, Thành phố Hồ Chí Minh.				
- Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Kim Khí Đại Tây Dương	99,95%	99,95%	100,00%	100,00%
+ Địa chỉ: Cụm Công nghiệp - Tiểu thủ Công nghiệp Hắc Dịch, Phường Tân Thành, Thành phố Hồ Chí Minh.				
+ Tỷ lệ đầu tư trực tiếp:	*51,52%*	*51,52%*	*51,52%*	*51,52%*
+ Tỷ lệ đầu tư gián tiếp:	*48,43%*	*48,43%*	*48,48%*	*48,48%*
- Công Ty Cổ Phần SXKD Thiết Bị Chiếu Sáng Thái Bình Dương	99,90%	99,90%	99,90%	99,90%
+ Địa chỉ: Cụm Công nghiệp - Tiểu thủ Công nghiệp Hắc Dịch, Phường Tân Thành, Thành phố Hồ Chí Minh.				
- Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Hạ Tầng BT	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
+ Địa chỉ: 334A Phan Văn Trị, Phường Bình Lợi Trung, Thành phố Hồ Chí Minh.				
- Công Ty TNHH MTV Kho Vận Gilimex	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
+ Địa chỉ: Cụm Công nghiệp - Tiểu thủ Công nghiệp Hắc Dịch, Phường Tân Thành, Thành phố Hồ Chí Minh.				
- Công Ty Cổ Phần Khu Công Nghiệp Gilimex	78,46%	78,46%	78,46%	78,46%
+ Địa chỉ: 45 Nguyễn Huệ, Phường Thuận Hóa, Thành phố Huế.				
- Công Ty TNHH Lưu Công Hiệu	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
+ Địa chỉ: Số 10A2 Khu Dân Cư An Bình, Đường Trần Quốc Toản, Khu phố 1, Phường Trấn Biên, Tỉnh Đồng Nai				
- Công Ty Cổ Phần Ichiban Star	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%
+ Địa chỉ: Số 03 Đại lộ Hữu Nghị, Khu Công nghiệp Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa, TP. Hồ Chí Minh.				
- Công Ty Cổ Phần Bất Động Sản Hưng Khang	99,998%	99,998%	99,998%	99,998%
+ Địa chỉ: 334A Phan Văn Trị, Phường Bình Lợi Trung, Thành phố Hồ Chí Minh.				
- Công Ty TNHH MTV Gilimex Đồng Nai	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
+ Địa chỉ: 111A, Ấp 2A, Phường Xuân Bắc, Tỉnh Đồng Nai.				
- Công Ty Cổ Phần Gilimex Long Khánh	99,97%	99,97%	99,97%	99,97%
+ Địa chỉ: Tổ 11, Ấp 4, Xã An Viễn, Tỉnh Đồng Nai.				
- Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Mỹ Khang	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%
+ Địa chỉ: Số 5 Đường Hoà Bình, Khu Đô thị - Dịch vụ VSIP Quảng Ngãi, Phường Trương Quang Trọng, Tỉnh Quảng Ngãi.				
- Công Ty Cổ Phần Khu Công Nghiệp Gilimex Vĩnh Long	81,00%	81,00%	95,00%	95,00%
+ Địa chỉ: Số 53C10 Phạm Thái Bường, Phường Phước Hậu, Tỉnh Vĩnh Long.				
+ Tỷ lệ đầu tư trực tiếp:	*30,00%*	*30,00%*	*30,00%*	*30,00%*
+ Tỷ lệ đầu tư gián tiếp:	*51,00%*	*51,00%*	*65,00%*	*65,00%*
- Công Ty Cổ Phần Khu Công Nghiệp Gilimex Bắc Giang	87,838%	87,838%	87,838%	87,838%
+ Địa chỉ: Số 31 Nguyễn Thị Lưu, Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh.				
+ Tỷ lệ đầu tư trực tiếp:	*0%*	*0%*	*0%*	*0%*
+ Tỷ lệ đầu tư gián tiếp:	*87,838%*	*87,838%*	*87,838%*	*87,838%*

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2026 kết thúc tại ngày 30/06/2026

- Công Ty Cổ Phần Khu Công Nghiệp Gilimex Quảng Ngãi	0,00%	78,46%	0,00%	78,46%
+ Địa chỉ: Số 5 Đường Hoà Bình, Khu Đô thị - Dịch vụ VSIP Quảng Ngãi, Phường Trương Quang Trọng, Tỉnh Quảng Ngãi.				
+ Tỷ lệ đầu tư trực tiếp:	*0,00%*	*0,00%*	*0,00%*	*0,00%*
+ Tỷ lệ đầu tư gián tiếp:	*0,00%*	*78,46%*	*0,00%*	*78,46%*
- Công Ty TNHH Khu Công Nghiệp Gilimex Bắc Ninh	78,46%	78,46%	78,46%	78,46%
+ Địa chỉ: Khu Đô Thị (tổ 9) Phố Mới, Phường Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh				
+ Tỷ lệ đầu tư trực tiếp:	*0,00%*	*0,00%*	*0,00%*	*0,00%*
+ Tỷ lệ đầu tư gián tiếp:	*78,46%*	*78,46%*	*78,46%*	*78,46%*
Công ty liên kết				
- Công Ty Cổ Phần Đầu Tư và Phát Triển Hoàng An	35,00%	35,00%	35,00%	35,00%
+ Địa chỉ: Số 26A3, Đường Tạo Lực 5, Khu Công Nghiệp Việt Nam - Singapore 2, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh				

7. Số lượng người lao động/hoặc số lượng lao động bình quân tại thời điểm 30/06/2026 là 121 người (31/12/2025: 124 người).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái đang áp dụng trong kỳ kế toán:

- Tỷ giá hối đoái lựa chọn áp dụng trong kỳ kế toán khi hạch toán các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có số dư gốc ngoại tệ: Tỷ giá giao dịch thực tế.

+ **Tỷ giá giao dịch thực tế:**

Công ty sử dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh các nghiệp vụ để hạch toán các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ quy đổi sang Đồng Việt Nam (VND); Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua, bán chuyển khoản trung bình trong ngày của Ngân hàng nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch hoặc tỷ giá xấp xỉ mua, bán trung bình ngày, tuần, tháng ... nhưng phải đảm bảo không thể vượt quá (+,-1%) so với tỷ giá trung bình tại ngày giao dịch.

+ **Tỷ giá ghi sổ:** Tỷ giá ghi sổ bao gồm tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh hoặc tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Việc áp dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh hay tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền tùy theo đặc điểm và yêu cầu quản lý các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của doanh nghiệp.

a) Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh là tỷ giá được xác định khi thu hồi khoản nợ phải thu, các tài sản khác hoặc khi thanh toán khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định theo tỷ giá giao dịch thực tế cụ thể tại từng thời điểm đã phát sinh giao dịch (nếu chưa phát sinh việc đánh giá lại) hoặc tỷ giá đã được đánh giá lại cuối kỳ trước của từng đối tượng (nếu đã phát sinh việc đánh giá lại).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2026 kết thúc tại ngày 30/06/2026

b) Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền là tỷ giá được xác định trên cơ sở trung bình giữa giá trị đã được quy đổi ra đơn vị tiền tệ trong kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế phát sinh đối với bên Nợ các tài khoản tiền, nợ phải thu, tài sản khác hoặc bên Có các tài khoản nợ phải trả chia cho số lượng nguyên tệ tồn đầu kỳ và số lượng nguyên tệ phát sinh tăng trong kỳ của từng đối tượng. Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền có thể được xác định tại thời điểm cuối kỳ hoặc từng thời điểm thanh toán.

- Trong trường hợp Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch không công bố tỷ giá phát sinh đồng ngoại tệ thì công ty sử dụng tỷ giá giao dịch tính chéo đối với trường hợp tỷ giá giao dịch của đồng ngoại tệ này.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm lập báo cáo, bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển; Riêng đối với khoản tiền và tương đương tiền của doanh nghiệp bị hạn chế sử dụng không được trình bày tại chỉ tiêu này mà phải trình bày ở khoản mục tài sản ngắn và dài hạn khác trên bảng báo cáo tài chính riêng.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam. Khoản thấu chi ngân hàng được phản ánh tương tự như khoản vay ngân hàng.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng;
- Vàng tiền tệ: theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác…

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính riêng theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

a. Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;
- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi ...

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Các chi phí mua chứng khoán kinh doanh (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, phí ngân hàng,... được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2026 kết thúc tại ngày 30/06/2026

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Doanh nghiệp phải hạch toán đầy đủ, kịp thời các khoản thu nhập từ hoạt động đầu tư chứng khoán kinh doanh.

Doanh nghiệp chỉ được ghi nhận cổ tức được chia bằng tiền từ chứng khoán kinh doanh vào doanh thu hoạt động tài chính cho giai đoạn sau ngày đầu tư. Khoản cổ tức được chia bằng tiền hoặc các khoản lãi thu bằng tiền cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Trường hợp nhà đầu tư nhận được thêm cổ phiếu do đơn vị nhận đầu tư là công ty cổ phần sử dụng thặng dư vốn, các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để phát hành thêm cổ phiếu (chia cổ tức bằng cổ phiếu), nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm trên thuyết minh Báo cáo tài chính riêng, không ghi nhận giá trị cổ phiếu được nhận, không ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính và không ghi nhận tăng chứng khoán kinh doanh.

Doanh nghiệp phải mở sổ để theo dõi chi tiết các loại chứng khoán kinh doanh mà doanh nghiệp đang nắm giữ (theo từng loại chứng khoán; theo từng đối tượng, mệnh giá, giá mua thực tế, từng loại nguyên tệ sử dụng để đầu tư,...).

Khi thanh lý, nhượng bán hoặc hoán đổi chứng khoán kinh doanh (tính theo từng loại chứng khoán), giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền hoặc nhập trước xuất trước. Doanh nghiệp phải áp dụng nhất quán phương pháp đã chọn để tính giá vốn của chứng khoán kinh doanh qua các kỳ kế toán. Trường hợp thay đổi phương pháp tính giá vốn của chứng khoán kinh doanh, doanh nghiệp phải trình bày và thuyết minh như thay đổi chính sách kế toán theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, nếu giá trị thị trường của chứng khoán kinh doanh bị giảm xuống thấp hơn giá gốc, Công ty phải trích lập dự phòng tổn thất chứng khoán kinh doanh.

Trong quá trình nắm giữ, doanh nghiệp không được tái phân loại chứng khoán kinh doanh thành khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và ngược lại.

Việc xác định tỷ giá giao dịch thực tế, tỷ giá ghi sổ, các giao dịch phát sinh và đánh giá lại chứng khoán kinh doanh là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (nếu có) được hướng dẫn tại Tài khoản 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái.

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn : các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

c. Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh, liên kết theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh, liên kết và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh, liên kết;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2026 kết thúc tại ngày 30/06/2026

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, liên kết phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh, liên kết.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này.Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

d. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Phản ánh số hiện có và tình hình tăng, giảm của các khoản đầu tư khác nắm giữ đến ngày đáo hạn (ngoài các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu và cho vay), như cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả, thương phiếu,... .

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính riêng theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, doanh nghiệp phải đánh giá lại số dư các khoản nợ phải thu là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch; Việc xác định tỷ giá giao dịch thực tế, tỷ giá ghi sổ, các giao dịch phát sinh và đánh giá lại các khoản nợ phải thu bằng ngoại tệ được hướng dẫn tại Tài khoản 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Khi lập Báo cáo tài chính riêng, doanh nghiệp phải tiến hành phân loại các khoản nợ phải thu, các khoản nợ phải thu có thể được trả đúng hạn, bị quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng không có khả năng thu hồi hoặc khó có khả năng thu hồi... để có biện pháp xử lý đối với khoản nợ phải thu khó đòi và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính riêng. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2026 kết thúc tại ngày 30/06/2026

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Báo cáo tình hình tài chính mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Đối với vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường; sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ SXKD thông thường.
- Các loại sản phẩm, hàng hóa, vật tư, tài sản nhận giữ hộ, nhận ký gửi, nhận ủy thác xuất nhập khẩu, nhận gia công... không thuộc quyền sở hữu và kiểm soát của doanh nghiệp thì không được phản ánh là hàng tồn kho của doanh nghiệp mà mở sổ chi tiết theo dõi sản phẩm, hàng hóa, vật tư, tài sản nhận giữ hộ, nhận ký gửi, nhận ủy thác xuất nhập khẩu, nhận gia công,... và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp bình quân gia quyền: Theo phương pháp này, giá trị của từng mặt hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng mặt hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị từng mặt hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo từng kỳ hoặc sau từng lô hàng nhập về, phụ thuộc vào điều kiện cụ thể của mỗi doanh nghiệp.

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

e. Tiêu thức phân bổ nguyên vật liệu

- Đối với nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị dùng cho sản xuất, được xuất dùng dựa trên nhu cầu thực tế của công trình; Căn cứ vào yêu cầu đề xuất cung cấp vật tư, thiết bị kế toán sẽ làm Phiếu xuất kho vật tư, thiết bị, nguyên vật liệu dùng cho sản xuất, đối với loại vật tư, thiết bị dùng cho sản xuất mà theo dõi riêng được thì sẽ ghi nhận theo số lượng và giá trị thực tế phát sinh còn đối với nguyên vật liệu phát sinh không theo dõi riêng được thì sẽ thực việc phân bổ chi phí nguyên vật liệu cho công trình khi hoàn thành căn cứ vào định mức tiêu hao nguyên vật liệu.
- Đối với nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị dùng cho việc trao đổi, nhượng bán thì sẽ ghi nhận theo số lượng và giá trị thực tế phát sinh của nguyên vật liệu, vật tư thiết bị nhượng bán vào giá vốn.
- Đối với công cụ dụng cụ, thiết bị và phụ tùng thay thế sẽ ghi nhận trực tiếp theo số lượng và giá trị thực tế phát sinh của công cụ dụng cụ, phụ tùng thay thế khi có giá trị nhỏ và chỉ liên quan tới 01 kỳ kế toán vào chi phí sản xuất theo tính chất phát sinh của khoản mục chi phí; còn công cụ dụng cụ có giá trị lớn, liên quan tới nhiều kỳ kế toán sẽ được kết chuyển sang tài khoản chi phí chờ phân bổ đối với phần giá trị còn lại khi và sẽ được phân bổ dần vào chi phí theo tính chất của tài sản (không quá 03 năm) vào các khoản mục chi phí SXKD trong từng kỳ kế toán.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2026 kết thúc tại ngày 30/06/2026

Đối với TSCĐ là bất động sản: Khi mua sắm bất động sản, doanh nghiệp phải tách riêng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo quy định của pháp luật. Phần giá trị tài sản trên đất được ghi nhận là nguyên giá TSCĐ hữu hình; Giá trị quyền sử dụng đất được ghi nhận là nguyên giá TSCĐ vô hình hoặc chi phí chờ phân bổ tùy từng trường hợp theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn. Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ, trừ bất động sản đầu tư chờ tăng giá không trích khấu hao mà chỉ xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các chi phí sửa chữa, bảo dưỡng TSCĐ phát sinh thường xuyên hằng kỳ để TSCĐ hoạt động bình thường được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Các TSCĐ theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ (như tua bin nhà máy điện, động cơ máy bay...) thì doanh nghiệp được hạch toán chi phí phát sinh vào chi phí chờ phân bổ và định kỳ phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh cho đến kỳ bảo dưỡng tiếp theo. Đối với các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu để nâng cấp, cải tạo làm tăng năng lực hoặc kéo dài thời gian sử dụng của TSCĐ (tăng lợi ích kinh tế của TSCĐ) thì được hạch toán tăng nguyên giá TSCĐ.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 35 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 11 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 15 năm
- Thiết bị văn phòng	04 - 12 năm
- Phần mềm máy tính	05 - 06 năm

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

Chi phí thực hiện các dự án đầu tư XDCB là toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, nâng cấp, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình. Việc xác định nội dung chi phí đầu tư XDCB được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng hiện hành. Chỉ những chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư XDCB TSCĐ, BĐSĐT (là những chi phí cần thiết và không thể tránh được khi thực hiện hoạt động đầu tư XDCB) và quá trình đầu tư xây dựng tài sản dở dang không bị gián đoạn một cách bất thường do chậm triển khai hoặc chậm tiến độ so với thời gian xây dựng dự kiến,... mới được vốn hóa vào giá trị của TSCĐ, BĐSĐT.

Trường hợp công trình, hạng mục công trình mà doanh nghiệp đang đầu tư xây dựng hoặc hợp tác kinh doanh để đầu tư xây dựng nhưng không thể tiếp tục triển khai được dự án thì doanh nghiệp phải căn cứ vào tình hình thực tiễn để đánh giá khả năng thu hồi của các khoản chi phí đầu tư XDCB đã bỏ ra, phần chênh lệch nếu có sẽ được hạch toán vào kết quả SXKD của doanh nghiệp trong kỳ.

Khi đầu tư XDCB, các chi phí xây lắp, chi phí thiết bị thường tính trực tiếp cho từng công trình, hạng mục công trình; Các chi phí quản lý dự án và chi phí khác thường được chi chung. Doanh nghiệp phải tiến hành tính toán, phân bổ chi phí quản lý dự án và chi phí khác cho từng công trình, hạng mục công trình theo nguyên tắc:

- Nếu xác định được riêng các chi phí quản lý dự án và chi phí khác liên quan trực tiếp đến từng công trình, hạng mục công trình thì tính trực tiếp cho công trình, hạng mục công trình đó;
- Các chi phí quản lý dự án và chi phí khác chi chung có liên quan đến nhiều công trình, hạng mục công trình mà không tính trực tiếp được cho từng công trình, hạng mục công trình thì đơn vị được phân bổ theo những tiêu thức phù riêng với từng công trình, hạng mục công trình.

Trường hợp dự án đã hoàn thành đưa vào trạng thái có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của doanh nghiệp nhưng quyết toán dự án chưa được duyệt thì doanh nghiệp ghi tăng nguyên giá TSCĐ theo giá tạm tính (giá tạm tính phải căn cứ vào chi phí thực tế đã phát sinh, chi phí ước tính chắc chắn sẽ phải bỏ ra để có được TSCĐ) để trích khấu hao TSCĐ, nhưng sau đó phải điều chỉnh theo giá quyết toán được phê duyệt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2026 kết thúc tại ngày 30/06/2026

Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên cho TSCĐ hoạt động bình thường được hạch toán trực tiếp vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ của bộ phận sử dụng TSCĐ. Đối với các TSCĐ theo yêu cầu kỹ thuật phải sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, doanh nghiệp được trích trước chi phí sửa chữa, bảo dưỡng (nếu có nghĩa vụ) hoặc tính chi phí sửa chữa, bảo dưỡng phát sinh vào chi phí chờ phân bổ và định kỳ phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh của bộ phận sử dụng TSCĐ. Đối với các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu liên quan đến nâng cấp, cải tạo làm tăng năng lực hoặc kéo dài thời gian sử dụng của TSCĐ thì được hạch toán tăng nguyên giá TSCĐ.

Trong giai đoạn đầu tư xây dựng để hình thành TSCĐ hoặc BĐSĐT, doanh nghiệp không được vốn hóa các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái vào giá trị tài sản dở dang.

Trường hợp dự án đầu tư bị hủy bỏ hoặc tổn thất, doanh nghiệp phải tiến hành thanh lý và thu hồi các chi phí đã phát sinh của dự án. Phần chênh lệch giữa chi phí đầu tư thực tế phát sinh và số thu từ việc thanh lý được ghi nhận vào chi phí khác hoặc xác định trách nhiệm bồi thường của tổ chức, cá nhân để thu hồi.

Đối với cây lâu năm cho sản phẩm định kỳ thỏa mãn là TSCĐ (chè, cà phê, cao su, hồ tiêu, cây ăn quả,...) thì các chi phí khai hoang, làm đất, gieo trồng, chăm sóc cây,... trong thời kỳ XDCB (trước giai đoạn trưởng thành, bắt đầu cho sản phẩm bói) được phản ánh vào Tài khoản 241 - Xây dựng cơ bản dở dang. Khi cây lâu năm cho sản phẩm định kỳ trưởng thành và bắt đầu cho sản phẩm thì doanh nghiệp kết chuyển từ Tài khoản 241 - Xây dựng cơ bản dở dang sang Tài khoản 211 - TSCĐ hữu hình.

8. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát hoặc không được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn hoặc được kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia hợp đồng. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

9. Nguyên tắc ghi nhận thuế TNDN hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí chờ phân bổ

Các nội dung được phản ánh là chi phí chờ phân bổ, bao gồm:

- Chi phí về thuê cơ sở hạ tầng, thuê hoạt động TSCĐ đã phát sinh (quyền sử dụng đất, nhà xưởng, kho bãi, văn phòng làm việc, cửa hàng và TSCĐ khác) phục vụ cho sản xuất, kinh doanh nhiều kỳ kế toán;
- Chi phí mua bảo hiểm (bảo hiểm cháy, nổ, bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ phương tiện vận tải, bảo hiểm thân xe, bảo hiểm tài sản,...) và các khoản chi mà doanh nghiệp đã trả một lần cho nhiều kỳ kế toán;
- Công cụ, dụng cụ, bao bì luân chuyển, đồ dùng cho thuê liên quan đến hoạt động kinh doanh trong nhiều kỳ kế toán;
- Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ TSCĐ liên quan đến hoạt động kinh doanh trong nhiều kỳ kế toán;
- Số chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá trị còn lại của TSCĐ bán và thuê lại là thuê tài chính;
- Số chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá trị hợp lý của TSCĐ bán và thuê lại là thuê hoạt động;
- Lợi thế thương mại phát sinh từ việc riêng kinh doanh không hình thành công ty mẹ - công ty con (mua tài sản thuần), trừ trường hợp riêng kinh doanh dưới sự kiểm soát chung;
- Các khoản chi phí chờ phân bổ khác không thỏa mãn điều kiện là TSCĐ, ví dụ như các chi phí khác phát sinh liên quan đến nhiều kỳ kế toán, tiền đọc tài liệu khai thác tài nguyên, khoáng sản,...

Việc tính và phân bổ chi phí chờ phân bổ vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2026 kết thúc tại ngày 30/06/2026

Các khoản chi phí chờ phân bổ bao gồm công cụ, dụng cụ, bao bì luân chuyển... đã xuất dùng , phần còn lại ghi được ghi nhận vào tài khoản chi phí chờ phân bổ để phân bổ tiếp và các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí chờ phân bổ khi lập Báo cáo tài chính riêng theo nguyên tắc như sau:

- Giá trị của tài sản là công cụ dụng cụ, bao bì luân chuyển, lợi thế thương mại... và số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.

- Giá trị của tài sản là công cụ dụng cụ, bao bì luân chuyển, lợi thế thương mại... và số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc trên một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

Doanh nghiệp phải theo dõi chi tiết từng khoản chi phí chờ phân bổ theo từng kỳ hạn, số đã phát sinh, số đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

11. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua,bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ như KPCĐ, BHXH, ký quỹ, ký cược ngắn và dài hạn, các khoản tạm ứng, cho mượn bằng các tài sản phi tiền tệ...

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính riêng theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá thực tế bình quân mua, bán chuyển khoản ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

12. Nguyên tắc kế toán phải trả cổ tức, lợi nhuận

Các khoản phải trả cổ tức, lợi nhuận phải trả cho nhà đầu tư, cổ đông, thành viên góp vốn của doanh nghiệp tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Thời điểm công ty ghi nhận khoản phải trả về cổ tức, lợi nhuận là thời điểm công không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, thành viên góp vốn của công ty theo quy định của pháp luật liên quan. Tùy theo từng loại hình doanh nghiệp, việc xác định thời điểm và việc chi trả cổ tức, lợi nhuận thực hiện như sau:

- Đối với doanh nghiệp thuộc đối tượng điều chỉnh của pháp luật về chứng khoán thì thời điểm bên nhận đầu tư không có quyền từ chối chi trả cổ tức được căn cứ theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

- Đối với các doanh nghiệp còn lại thì thời điểm bên nhận đầu tư không có quyền từ chối chi trả cổ tức được căn cứ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của doanh nghiệp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2026 kết thúc tại ngày 30/06/2026

13. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Phân loại các khoản phải vay và nợ phải trả thuê tài chính khi lập Báo cáo tài chính riêng theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản vay, mượn tiền, nợ thuê tài chính có thời gian trả nợ từ 12 tháng trở xuống kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán hoặc doanh nghiệp không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả tại bất kỳ thời điểm nào trong thời hạn 12 tháng kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản vay, mượn tiền, nợ thuê tài chính có thời gian trả nợ trên 12 tháng kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán được phân loại là dài hạn.
- Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn, chi phí thu xếp khoản vay,... được phân bổ dần theo thời hạn của khoản vay. Việc vốn hóa chi phí đi vay phải tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay. Trường hợp đi vay để đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết,... thì chi phí đi vay không được vốn hóa.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản tiền gửi tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

14. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Những khoản chi phí trích trước chưa sử dụng cuối năm được thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng.

16. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Một khoản dự phòng cho các khoản chi phí tái cơ cấu doanh nghiệp chỉ được ghi nhận khi có đủ các điều kiện ghi nhận đối với các khoản dự phòng theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 18 "Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng".

Các khoản dự phòng phải trả được trích lập hay hoàn nhập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng theo quy định của pháp luật. Các khoản dự phòng phải trả khi trích lập ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp. Riêng đối với khoản dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hóa được ghi nhận vào chi phí bán hàng; khoản dự phòng phải trả về chi phí bảo hành công trình xây lắp được ghi nhận vào chi phí sản xuất chung và hoàn nhập vào thu nhập khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2026 kết thúc tại ngày 30/06/2026

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chờ phân bổ

Doanh thu chờ phân bổ bao gồm doanh thu nhận trước như: số tiền khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; chênh lệch giữa bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết so với giá bán trả tiền ngay; doanh thu tương ứng với hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống.

Số dư các khoản doanh thu chờ phân bổ bằng ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính nếu không có bằng chứng chắn chắn cho thấy Công ty sẽ phải trả lại khoản tiền nhận trước cho khách hàng bằng ngoại tệ thì không đánh giá chênh lệch tỷ giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

18. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp và quy đổi ra đơn vị tiền tệ trong kế toán để ghi nhận vào vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn (nếu có) theo tỷ giá giao dịch thực tế tại từng thời điểm thực góp vốn.

Trường hợp nhận vốn góp bằng tài sản phi tiền tệ, doanh nghiệp phải định giá tài sản góp vốn để phản ánh tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu. Việc định giá tài sản góp vốn phải tuân thủ theo quy định của pháp luật doanh nghiệp (ví dụ nghiêm cấm kê khai khống vốn điều lệ, không góp đủ số vốn điều lệ như đã đăng ký; cố ý định giá tài sản góp vốn không đúng giá trị,...). Đối với việc góp vốn bằng các tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án... thì doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật về sở hữu trí tuệ.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu mua lại của chính mình.

Chi phí phát hành cổ phiếu (bao gồm các chi phí trực tiếp để phát hành cổ phiếu và chi phí khác liên quan đến phát hành cổ phiếu):

+ Đối với chi phí phát hành cổ phiếu tương ứng với số cổ phiếu không phát hành được sẽ hạch toán vào chi phí tài chính.

+ Đối với chi phí phát hành cổ phiếu tương ứng với số cổ phiếu phát hành thành công được đưa vào thặng dư vốn.

Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu phát hành cổ phiếu phát sinh khi công ty phát hành loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu xác định được quy định sẵn trong phương án phát hành. Giá trị cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi là chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận riêng biệt trong phần vốn đầu tư của chủ sở hữu. Khi đáo hạn trái phiếu, kế toán quyền chọn này sang thặng dư vốn.

Vốn khác phản ánh vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (theo quy định hiện hành), chênh lệch (nếu có) giữa giá phí để thực hiện giao dịch sáp nhập với giá trị ghi sổ của tài sản thuần trên Báo cáo tài chính riêng của doanh nghiệp bị sáp nhập trong trường hợp sáp nhập doanh nghiệp được thực hiện giữa các bên dưới sự kiểm soát chung; chênh lệch do đánh giá lại tài sản được phép ghi tăng, giảm vốn đầu tư của chủ sở hữu,....

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2026 kết thúc tại ngày 30/06/2026

b. Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản

Chênh lệch đánh giá lại tài sản phản ánh chênh lệch do đánh giá lại tài sản hiện có và tình hình xử lý số chênh lệch đó. Tài sản được đánh giá lại chủ yếu là TSCĐ, bất động sản đầu tư, một số trường hợp có thể và cần thiết đánh giá lại vật tư, công cụ, dụng cụ, thành phẩm, hàng hóa, sản phẩm dở dang ...

Chênh lệch đánh giá lại tài sản trong các trường hợp:

- Khi có quyết định của Nhà nước;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Không phản ánh số chênh lệch đánh giá lại khi đưa tài sản đi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác, khi tổ chức lại doanh nghiệp (nếu có) theo quy định của pháp luật doanh nghiệp. Khoản chênh lệch đánh giá lại trong các trường hợp khi đưa tài sản đi góp vốn vào đơn vị khác hoặc khi tổ chức lại doanh nghiệp (nếu có) thu nhập khác (nếu lãi) hoặc chi phí khác (nếu lỗ).

Giá trị tài sản được xác định lại trên cơ sở bảng giá Nhà nước quy định, Hội đồng định giá tài sản hoặc cơ quan thẩm định giá chuyên nghiệp xác định.

c. Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá

Khi lập Báo cáo tài chính riêng, doanh nghiệp phải đánh giá lại số dư tất cả các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Riêng số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ, doanh nghiệp phải đánh giá lại số dư tất cả các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản tiền gửi. Doanh nghiệp không thực hiện đánh giá lại đối với một phần hoặc toàn bộ giá trị nợ phải thu có gốc ngoại tệ đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Tất cả chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ đều phải được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) để xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ phải trình bày vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo số thuần giữa tổng số lãi và tổng số lỗ do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Các khoản chênh lệch tỷ giá trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được phản ánh vào doanh thu tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại thời điểm phát sinh. Riêng chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn trước hoạt động của các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có thực hiện dự án, công trình trọng điểm quốc gia thì phản ánh trên Báo cáo tình hình tài chính và phân bổ dần vào doanh thu / chi phí tài chính.

d. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành. Khi áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố các sai sót trọng yếu của các năm trước nhưng năm nay mới phát hiện dẫn đến phải điều chỉnh số dư đầu năm phần lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thì doanh nghiệp phải điều chỉnh tăng hoặc giảm số dư đầu năm của TK 4211 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước trên sổ kế toán và điều chỉnh tăng hoặc giảm chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Báo cáo tình hình tài chính theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 29 - Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 17 - Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2026 kết thúc tại ngày 30/06/2026

19. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

d. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng;
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

e. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

20. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:
- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:

+ Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng;

+ Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2026 kết thúc tại ngày 30/06/2026

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

21. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư,...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

22. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

23. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

24. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí thuế TNDN bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu. Trong đó:

+ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

+ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu là số thuế thu nhập doanh nghiệp mà doanh nghiệp phải nộp bổ sung vào NSNN được xác định theo quy định của pháp luật về thuế tối thiểu toàn cầu. Khi ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu, doanh nghiệp đồng thời ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

Thu nhập thuế TNDN hoãn lại là khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc:

+ Ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm;

+ Hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước.

25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2026 kết thúc tại ngày 30/06/2026

26. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

27. Công cụ tài chính

a. Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;
- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

b. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH) : Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính: Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Báo cáo tình hình tài chính khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2026 kết thúc tại ngày 30/06/2026

V . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: VND

1 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp đang nắm giữ nhưng không bị hạn chế sử dụng.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền mặt	**1.210.480.754**	**936.267.147**
+ Tiền mặt (VND)	1.210.480.754	936.267.147
- Tiền gửi ngân hàng	**43.137.843.811**	**42.062.193.151**
+ Tiền gửi (VND)	786.549.995	3.529.066.823
Ngân hàng TMCP Quân Đội	*717.017.657*	*3.232.802.556*
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	*61.842.304*	*288.578.067*
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	*7.690.034*	*7.686.200*
+ Tiền gửi (USD)	42.351.293.816	38.533.126.328
Ngân hàng TMCP Quân Đội	*41.787.404.704*	*37.199.638.774*
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	*563.889.112*	*1.333.487.554*
- Các khoản tương đương tiền	-	**14.000.000.000**
+ Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	-	14.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội	-	*14.000.000.000*
Cộng	**44.348.324.565**	**56.998.460.298**

2 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
2.1. Ngắn hạn	**52.080.128.509**	-	**40.849.926.608**	-
a. Bên liên quan	**455.072.712**	-	-	-
- Công Ty TNHH May Thạnh Mỹ	*455.072.712*	-	-	-
b. Bên thứ ba	**51.625.055.797**	-	**40.849.926.608**	-
- IKEA Supply AG	*36.831.998.663*	-	*29.960.425.173*	-
- Jellycat Limited	*13.990.639.331*	-	*9.897.633.970*	-
- Jabil Ems Switzerland Gmbh	*495.784.251*	-	*491.937.015*	-
- Đối tượng khác	*306.633.552*	-	*499.930.450*	-
Cộng	**52.080.128.509**	-	**40.849.926.608**	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2026 kết thúc tại ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

3 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

3.1. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá trị dự phòng
- Tổng giá trị cổ phiếu	**64.057.991.077**	**12.185.950.500**	**(51.872.040.577)**	**64.057.991.077**	**15.458.621.300**	**(48.599.369.777)**
+ Công Ty CP Garmex Sài Gòn (2.337.622 cổ phiếu)	*61.222.528.577*	*9.350.488.000*	*(51.872.040.577)*	*61.222.528.577*	*12.623.158.800*	*(48.599.369.777)*
+ Công Ty CP BV Đa Khoa Tư Nhân Triều An (50.000 cổ phiếu)	*2.250.000.000*	*2.250.000.000*	-	*2.250.000.000*	*2.250.000.000*	-
+ Công Ty CP XNK & DT Thừa Thiên Huế (70.448 cổ phiếu)	*585.172.500*	*585.172.500*	-	*585.172.500*	*585.172.500*	-
+ Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (455 cổ phiếu)	*290.000*	*290.000*	-	*290.000*	*290.000*	-
Cộng	**64.057.991.077**	**12.185.950.500**	**(51.872.040.577)**	**64.057.991.077**	**15.458.621.300**	**(48.599.369.777)**

Ghi chú:

Lý do thay đổi với từng khoản đầu tư / loại cổ phiếu, trái phiếu:

+ Về số lượng: Không có thay đổi trong kỳ

+ Về giá trị: Không có thay đổi trong kỳ

- Cơ sở xác định giá trị hợp lý: Công ty dựa vào giá đóng cửa cổ phiếu tại ngày kết thúc kỳ kế toán làm giá trị hợp lý đối với chứng khoán kinh doanh.

Tại thời điểm 30/06/2026, Chúng tôi không thu thập được giá giao dịch của cổ phiếu của Công Ty Cổ Phần Bệnh Viện Đa khoa Tư nhân Triều An và Công Ty CP Xuất Nhập Khẩu và Đầu Tư Thừa Thiên Huế trên thị trường chứng khoán, do đó Chúng tôi dựa vào báo cáo tài chính bán niên do Quý công ty tự lập làm căn cứ xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2026 kết thúc tại ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

3.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
a. Ngắn hạn	**15.104.436.986**	**15.104.436.986**	**-**	**80.501.370**	**80.501.370**	**-**
- Tiền gửi có kỳ hạn	15.022.436.986	15.022.436.986	-	-	-	-
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội	15.022.436.986	15.022.436.986	-	-	-	-
Gốc	*15.000.000.000*	*15.000.000.000*	-	-	-	-
Lãi	*22.436.986*	*22.436.986*	-	-	-	-
- Cho vay	82.000.000	82.000.000	-	67.000.000	67.000.000	-
- Lãi các khoản tương đương tiền	-	-	-	13.501.370	13.501.370	-
b. Dài hạn	**370.000.000**	**370.000.000**	**-**	**250.000.000**	**250.000.000**	**-**
- Cho vay	370.000.000	370.000.000	-	250.000.000	250.000.000	-
Cộng	**15.474.436.986**	**15.474.436.986**	**-**	**330.501.370**	**330.501.370**	**-**

Ghi chú:

- Là các khoản tiền gửi tại ngân hàng TMCP Quân Đội với kỳ hạn 06 tháng, lãi suất dao động từ 5,45%/năm đến 7,3%/năm.

- Giá trị hợp đồng tiền gửi dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Công ty: 1.000.000.000 VND

3.3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
a. Đầu tư vào công ty con	**1.234.940.634.994**	**1.225.112.206.263**	**(9.828.428.731)**	**1.234.940.634.994**	**1.228.199.401.191**	**(6.741.233.803)**
- Công Ty Cổ Phần KCN Gilimex	*459.000.000.000*	*459.000.000.000*	-	*459.000.000.000*	*459.000.000.000*	-
- Công Ty Cổ Phần KCN Gilimex Vĩnh Long	*180.000.000.000*	*180.000.000.000*	-	*180.000.000.000*	*180.000.000.000*	-
- Công Ty Cổ Phần BĐS Hưng Khang	*113.993.200.000*	*113.993.200.000*	-	*113.993.200.000*	*113.993.200.000*	-
- Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Mỹ Khang	*109.740.230.000*	*109.740.230.000*	-	*109.740.230.000*	*109.740.230.000*	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2026 kết thúc tại ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
- Công Ty Cổ Phần May Hàng Gia Dụng Gilimex - PPJ	*68.819.623.339*	*68.778.981.945*	*(40.641.394)*	*68.819.623.339*	*68.762.009.429*	*(57.613.910)*
- Công Ty Cổ Phần Ichiban Star	*64.993.681.655*	*64.804.381.023*	*(189.300.632)*	*64.993.681.655*	*64.866.107.662*	*(127.573.993)*
- Công Ty TNHH MTV Gilimex Đồng Nai	*60.000.000.000*	*52.982.910.984*	*(7.017.089.016)*	*60.000.000.000*	*54.650.536.648*	*(5.349.463.352)*
- Công Ty TNHH May Thạnh Mỹ	*54.833.900.000*	*54.833.900.000*	-	*54.833.900.000*	*54.833.900.000*	-
- Công Ty TNHH Lưu Công Hiệu	*41.200.000.000*	*40.925.985.017*	*(274.014.983)*	*41.200.000.000*	*40.877.483.791*	*(322.516.209)*
- Công Ty Cổ Phần Gilimex Long Khánh	*29.990.000.000*	*28.485.645.902*	*(1.504.354.098)*	*29.990.000.000*	*29.118.296.928*	*(871.703.072)*
- Công Ty TNHH Bất Động Sản Gia Định	*20.000.000.000*	*19.213.709.253*	*(786.290.747)*	*20.000.000.000*	*20.000.000.000*	-
- Công Ty Cổ Phần Sản Xuất và Kinh Doanh Thiết Bị Chiếu Sáng Thái Bình Dương	*19.980.000.000*	*19.980.000.000*	-	*19.980.000.000*	*19.980.000.000*	-
- Công Ty Cổ Phần Sản Xuất & Kinh Doanh Kim Khí Đại Tây Dương	*10.200.000.000*	*10.200.000.000*	-	*10.200.000.000*	*10.200.000.000*	-
- Công Ty TNHH MTV Kho Vận Gilimex	*2.100.000.000*	*2.100.000.000*	-	*2.100.000.000*	*2.100.000.000*	-
- Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Hạ Tầng BT	*90.000.000*	*73.262.139*	*(16.737.861)*	*90.000.000*	*77.636.733*	*(12.363.267)*
b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	**22.183.592.681**	**21.799.687.035**	**(383.905.646)**	**22.183.592.681**	**21.821.469.947**	**(362.122.734)**
- Công Ty Cổ Phần Đầu Tư và Phát Triển Hoàng An	*22.183.592.681*	*21.799.687.035*	*(383.905.646)*	*22.183.592.681*	*21.821.469.947*	*(362.122.734)*
Cộng	**1.257.124.227.675**	**1.246.911.893.298**	**(10.212.334.377)**	**1.257.124.227.675**	**1.250.020.871.138**	**(7.103.356.537)**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2026 kết thúc tại ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

Ghi chú:

- Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên doanh, liên kết trong kỳ.

Công ty	Mối quan hệ	Lĩnh vực hoạt động
Công Ty TNHH May Thạnh Mỹ	Công ty con	Sản xuất sản phẩm dệt may, may sẵn, thảm và chăn đệm, hàng dệt, trang phục, valy túi xách và các loại tương tự, yên đệm.
Công Ty TNHH Bất Động Sản Gia Định	Công ty con	Kinh doanh BDS, dịch vụ BDS: Môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản. Xây dựng công trình nhà ở, công trình kỹ thuật. Tư vấn đầu tư.
Công Ty CP May Hàng Gia Dụng Gilimex - PPJ	Công ty con	May trang phục; Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Sản xuất hàng may sẵn; Bán lẻ hàng may mặc;...
Công Ty CP SX & KD Kim Khí Đại Tây Dương	Công ty con	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản phẩm dụng cụ gia dụng bằng kim loại).
Công Ty CP SX & KD TBCS Thái Bình Dương	Công ty con	Sản xuất và kinh doanh thiết bị chiếu sáng.
Công Ty CP Đầu Tư Hạ Tầng BT	Công ty con	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.
Công Ty TNHH MTV Kho Vận Gilimex	Công ty con	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.
Công Ty CP KCN Gilimex	Công ty con	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.
Công Ty TNHH Lưu Công Hiệu	Công ty con	Xây dựng nhà ở, dịch vụ lưu trú ngắn ngày.
Công Ty CP Ichiban Star	Công ty con	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.
Công Ty CP BĐS Hưng Khang	Công ty con	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
Công Ty TNHH MTV Gilimex Đồng Nai	Công ty con	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm.
Công Ty CP Gilimex Long Khánh	Công ty con	Sản xuất sản phẩm từ plastic.
Công Ty CP Đầu Tư Mỹ Khang	Công ty con	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.
Công Ty CP KCN Gilimex Vĩnh Long	Công ty con	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.
Công Ty CP ĐT & PT Hoàng An	Công ty liên kết	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng.

- Các giao dịch trọng yếu giữa doanh nghiệp và công ty con, liên doanh, liên kết và BCC trong kỳ: Được trình bày tại thuyết minh bên liên quan VIII.4

- Căn cứ xác định giá trị TSCĐ vô hình như quyền sở hữu trí tuệ,... khi đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết: Không có

- Giá trị hợp lý: Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết trên thị trường chứng khoán, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2026 kết thúc tại ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
4.1. Ngắn hạn	**33.563.612.694**	-	**31.794.459.199**	-
- Tạm ứng (*)	971.839.886	-	861.080.997	-
+ Đinh Thị Hậu	*517.500.000*	-	-	-
+ Nguyễn Thị Diệu Ái	-	-	*468.812.604*	-
+ Hoàng Tiến Đạt	*221.800.000*	-	*221.800.000*	
+ Mai Văn Trúc	*130.000.000*	-	*58.604.000*	
+ Khác	*102.539.886*	-	*111.864.393*	
- Phải thu khác	32.591.772.808	-	30.933.378.202	
+ Thuế chờ hoàn	*32.425.012.068*	-	*30.827.147.843*	
+ Khác	*166.760.740*	-	*106.230.359*	
4.2. Dài hạn	**1.259.420.000**	-	**1.264.420.000**	
- Ký cược, ký quỹ	1.259.420.000	-	1.264.420.000	-
+ Công Ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Da Giầy Sài Gòn	*1.254.420.000*	-	*1.254.420.000*	-
+ Khác	*5.000.000*	-	*10.000.000*	-
Cộng	**34.823.032.694**	-	**33.058.879.199**	

Ghi chú (*):

Đây là các khoản tạm ứng cho cán bộ công nhân viên Công ty phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường.

5 . HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	320.217.216.223	-	308.994.535.772	-
- Công cụ, dụng cụ	40.172.736.608	-	36.313.218.906	-
- Chi phí SXKD dở dang	90.989.716.123	-	93.456.130.315	-
- Sản phẩm	612.545.390.885	-	600.175.506.658	-
- Hàng hóa	31.900	-	31.900	-
- Hàng gửi đi bán	49.121.322	-	49.121.322	-
Cộng	**1.063.974.213.061**	-	**1.038.988.544.873**	-

Ghi chú:

- Tiêu thức phân bổ nguyên liệu, vật liệu: Theo chi phí thực tế phát sinh

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ: Không có.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2026 kết thúc tại ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

6 . TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

Xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Mua sắm	792.758.204	792.758.204	792.758.204	792.758.204
+ Mua sắm TSCĐ	*792.758.204*	*792.758.204*	*792.758.204*	*792.758.204*
- Xây dựng cơ bản	8.024.157.786	7.014.169.476	8.704.158.066	7.694.169.756
+ Công trình khu biệt thự Bình Quới, Thanh Đa	*5.059.058.152*	*5.059.058.152*	*5.059.058.152*	*5.059.058.152*
+ Công trình Kho Tổng Gilimex	*1.231.088.091*	*1.231.088.091*	*1.231.088.091*	*1.231.088.091*
+ Công trình phường 28, quận Bình Thạnh	*1.009.988.310*	-	*1.009.988.310*	
+ Công trình KCN Phú Bài	*394.445.455*	*394.445.455*	*394.445.455*	*394.445.455*
+ Công trình mở rộng nhà máy Thạnh Mỹ	*329.577.778*	*329.577.778*	*329.577.778*	*329.577.778*
+ Công trình mở rộng nhà máy PLE	-	-	*680.000.280*	*680.000.280*
Cộng	**8.816.915.990**	**7.806.927.680**	**9.496.916.270**	**8.486.927.960**

Ghi chú:

Công trình phường 28, quận Bình Thạnh phát sinh từ những năm trước, với những tài liệu hiện có do Công ty cung cấp chúng tôi không có căn cứ xác định công trình này có được tiếp tục thực hiện hay không, do vậy chúng tôi không thể xác định được giá trị có thể thu hồi của công trình này.

7 . CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỔ

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
7.1. Ngắn hạn	**733.878.814**	**1.047.019.954**
- Chi phí bảo hiểm, khám sức khỏe	246.264.213	598.174.007
- Chi phí gia công bán thành phẩm (in, thêu)	264.552.901	264.552.901
- Chi phí phần mềm, hệ thống mạng	96.942.479	49.806.023
- Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	11.670.991	-
- Chi phí bảo trì, sữa chữa, thi công	114.448.230	134.487.023
7.2. Dài hạn	**1.626.590.462**	**1.751.267.350**
- Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.098.287.843	1.155.301.868
- Chi phí bảo trì, sữa chữa, thi công	410.676.962	476.725.443
- Chi phí phần mềm, hệ thống mạng	36.589.733	28.067.583
- Chi phí thuê đất	81.035.924	91.172.456
Cộng	**2.360.469.276**	**2.798.287.304**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2026 kết thúc tại ngày 30/06/2026

8 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cây lâu năm cho sản phẩm định kỳ	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá							
Số dư đầu năm	**210.863.985.578**	**48.806.877.551**	**27.528.035.209**	**3.749.520.767**	**-**	**-**	**290.948.419.105**
Số tăng trong kỳ	**680.000.280**	**450.055.219**	**-**	**-**	**-**	**-**	**1.130.055.499**
- Mua trong kỳ	-	450.055.219	-	-	-	-	450.055.219
- Đầu tư XDCB hoàn thành	680.000.280	-	-	-	-	-	680.000.280
Số giảm trong kỳ	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	**211.543.985.858**	**49.256.932.770**	**27.528.035.209**	**3.749.520.767**	**-**	**-**	**292.078.474.604**
Giá trị hao mòn luỹ kế							
Số dư đầu năm	**83.443.945.865**	**43.564.957.364**	**18.486.140.904**	**3.010.719.597**	-	-	**148.505.763.730**
Số tăng trong kỳ	**2.396.046.624**	**78.854.578**	**528.505.392**	**50.556.156**	-	-	**3.053.962.750**
- Khấu hao trong kỳ	2.396.046.624	78.854.578	528.505.392	50.556.156	-	-	3.053.962.750
Số giảm trong kỳ	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	**85.839.992.489**	**43.643.811.942**	**19.014.646.296**	**3.061.275.753**	-	-	**151.559.726.480**
Giá trị còn lại							
Tại ngày đầu năm	**127.420.039.713**	**5.241.920.187**	**9.041.894.305**	**738.801.170**	**-**	**-**	**142.442.655.375**
Tại ngày cuối kỳ	**125.703.993.369**	**5.613.120.828**	**8.513.388.913**	**688.245.014**	-	-	**140.518.748.124**

Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: *24.710.658.969 VND*

- Chi tiết danh mục các TSCĐ hữu hình đang hiện hữu có giá trị từ 10% tổng giá trị tài sản cố định hữu hình trở lên;

	Nguyên giá
+ Nhà xưởng Xuân Lộc, Đồng Nai	*41.210.536.742*
+ Nhà xưởng nhà máy may Thạnh Mỹ	*40.337.872.249*
+ Xưởng 1 - Nhà máy may Bình Thạnh	*29.947.636.235*

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: *64.328.304.789 VND*

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2026 kết thúc tại ngày 30/06/2026

9 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền tác giả	Quyền sở hữu công nghiệp	Phần mềm máy tính	TSCD vô hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	**19.194.035.019**	-	-	**1.495.798.798**	**88.940.000**	**20.778.773.817**
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	**19.194.035.019**	-	-	**1.495.798.798**	**88.940.000**	**20.778.773.817**
Giá trị hao mòn luỹ kế						
Số dư đầu năm	**7.193.519.112**	-	-	**1.156.451.613**	**64.314.125**	**8.414.284.850**
Số tăng trong kỳ	**593.057.016**	-	-	**73.687.092**	**8.893.998**	**675.638.106**
- Khấu hao trong kỳ	593.057.016	-	-	73.687.092	8.893.998	675.638.106
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	**7.786.576.128**	-	-	**1.230.138.705**	**73.208.123**	**9.089.922.956**
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	**12.000.515.907**	-	-	**339.347.185**	**24.625.875**	**12.364.488.967**
Tại ngày cuối kỳ	**11.407.458.891**	-	-	**265.660.093**	**15.731.877**	**11.688.850.861**

Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCD vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: *7.496.843.164 VND*

- Chi tiết danh mục các TSCD vô hình đang hiện hữu có giá trị từ 10% tổng giá trị tài sản cố định vô hình trở lên;

	Nguyên giá
+ Quyền sử dụng đất theo Hợp đồng số 273: Thửa 799 - Tờ bản đồ :24 - S: 290.543,4m2 - ĐC: Hắc Dịch, Tân Thành, BRVT	*10.389.035.019*
+ Quyền sử dụng đất theo HĐ mua bán tài sản đấu giá số 73 ngày 25/12/2020 - Nhà Xưởng Xuân Lộc, Đồng Nai	*8.805.000.000*

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: *666.110.000 VND*

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2026 kết thúc tại ngày 30/06/2026

10 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

10.1. Ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Phát sinh				Số đầu năm
		Giải ngân	Trả nợ	Chênh lệch tỷ giá	Phân loại lại	
Vay ngắn hạn	**240.376.659.970**	**288.148.190.815**	**(257.944.760.840)**	**(268.308.832)**	**-**	**210.441.538.827**
+ Ngân Hàng TMCP Quân Đội (USD)	70.047.390.932	104.663.375.063	(86.119.223.049)	(268.308.832)	-	51.771.547.750
+ Ngân Hàng TMCP Quân Đội (VND)	124.079.269.038	183.484.815.752	(123.075.537.791)	-	-	63.669.991.077
+ Công Ty CP KCN Gilimex Vĩnh Long	36.250.000.000	-	(48.750.000.000)	-	-	85.000.000.000
+ CTCP SX và KD Thiết Bị Chiếu Sáng Thái Bình Dương	10.000.000.000	-	-	-	-	10.000.000.000
Cộng	**240.376.659.970**	**288.148.190.815**	**(257.944.760.840)**	**(268.308.832)**	**-**	**210.441.538.827**

Chi tiết các khoản vay tại ngày 30.06.2026 như sau:

Số/ngày hợp đồng vay	Bên cho vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Số cuối kỳ	Hình thức đảm bảo khoản vay
309290.25.201.775210.TD ngày 10/06/2025 và PLHĐ ngày 29/04/2026 gia hạn duy trì hạn mức tín dụng cho đến ngày 20/07/2026	Ngân hàng TMCP Quân Đội	Thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ trong hạn mức không vượt quá 06 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	194.126.659.970	+ Hợp đồng tiền gửi tại MB số 6254877056216 + Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nhà xưởng công trình phụ trợ tại Phường Tân Thành, TP. Hồ Chí Minh
01/2025/HĐVTKCNGILVL-GIL ngày 17/01/2025 và PLHĐ ngày 15/01/2026 gia hạn thêm 12 tháng	Công Ty CP KCN Gilimex Vĩnh Long	12 tháng	4,4%/năm	36.250.000.000	Tín chấp
01/2025/HĐVT/PLE-GIL ngày 08/06/2025 và PLHĐ ngày 08/06/2026 gia hạn 06 tháng, sau đó tự động gia hạn thêm 06 tháng nếu không có thỏa thuận chấm dứt HĐ	CTCP SX và KD Thiết Bị Chiếu Sáng Thái Bình Dương	06 tháng (sau đó tự động gia hạn)	4,4%/năm	10.000.000.000	Tín chấp
Cộng				**240.376.659.970**	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2026 kết thúc tại ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	**74.015.396.850**	**74.015.396.850**	**71.981.874.658**	**71.981.874.658**
a. Bên liên quan	**12.399.250.903**	**12.399.250.903**	**14.018.745.552**	**14.018.745.552**
- Công Ty TNHH MTV Gilimex Đồng Nai	*4.979.044.943*	*4.979.044.943*	*6.004.815.335*	*6.004.815.335*
- Công Ty CP SX & KD Kim Khí Đại Tây Dương	*4.130.018.360*	*4.130.018.360*	*4.723.742.617*	*4.723.742.617*
- Công Ty CP SX và KD TBCS Thái Bình Dương	*3.290.187.600*	*3.290.187.600*	*3.290.187.600*	*3.290.187.600*
b. Bên thứ ba	**61.616.145.947**	**61.616.145.947**	**57.963.129.106**	**57.963.129.106**
- Taizhou Donghaixiang Dyeing And Finishing Co., Ltd.	*19.254.221.071*	*19.254.221.071*	*9.975.422.896*	*9.975.422.896*
- Công Ty TNHH Ngành Giấy Kim Phong	*5.259.691.173*	*5.259.691.173*	*3.916.942.488*	*3.916.942.488*
- Hong Kong Minwie Trading Co., Ltd.	*5.136.946.575*	*5.136.946.575*	*7.988.442.735*	*7.988.442.735*
- Đối tượng khác	*31.965.287.128*	*31.965.287.128*	*36.082.320.987*	*36.082.320.987*
Cộng	**74.015.396.850**	**74.015.396.850**	**71.981.874.658**	**71.981.874.658**

12 . PHẢI TRẢ VỀ CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả về cổ tức	589.070.525	590.506.925
Cộng	**589.070.525**	**590.506.925**

- Các khoản cổ tức, lợi nhuận đã cam kết trả nhưng đã quá thời hạn mà doanh nghiệp chưa thanh toán cho cổ đông, chủ sở hữu: Không có

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
13.1. Thuế và các khoản phải nộp				
Ngắn hạn	**9.635.937.874**	**9.408.353.487**	**14.043.285.151**	**5.001.006.210**
Thuế giá trị gia tăng	-	214.546.402	214.546.402	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.193.071.954	1.193.071.954	-
Thuế xuất, nhập khẩu	173.477.915	1.597.864.225	1.597.864.225	173.477.915
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.073.541.206	4.072.592.347	9.073.541.206	4.072.592.347
Thuế thu nhập cá nhân	388.918.753	2.268.979.573	1.902.962.378	754.935.948
Thuế khác	-	61.298.986	61.298.986	-
Cộng	**9.635.937.874**	**9.408.353.487**	**14.043.285.151**	**5.001.006.210**
13.2. Thuế và các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	21.704.967	-	-	21.704.967
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	2.122.574.683	4.455.056.028	3.679.859.149	1.347.377.804
Cộng	**2.144.279.650**	**4.455.056.028**	**3.679.859.149**	**1.369.082.771**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2026 kết thúc tại ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

Ghi chú: *Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.*

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
14.1. Ngắn hạn	**968.648.545**	**377.451.186**
- Chi phí đi vay phải trả	968.648.545	377.451.186
Cộng	**968.648.545**	**377.451.186**

15 . PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
15.1. Ngắn hạn	**8.477.226.931**	**6.824.551.700**
- Kinh phí công đoàn	999.375.274	806.467.074
- Nhận ký cược ký quỹ ngắn hạn	273.731.474	273.731.474
+ Công Ty CP KCN Gilimex Bắc Giang	*136.865.737*	*136.865.737*
+ Công Ty TNHH KCN Gilimex Bắc Ninh	*136.865.737*	*136.865.737*
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.204.120.183	5.744.353.152
+ Chi phí đi vay - CTCP KCN Gilimex Vĩnh Long	*5.366.883.549*	*3.547.534.237*
+ Chi phí đi vay - CTCP SX và KD TBCS Thái Bình Dương	*466.520.550*	*248.328.768*
+ IKEA Supply AG	*614.529.840*	*1.362.911.600*
+ Đối tượng khác	*756.186.244*	*585.578.547*
15.2. Dài hạn	**33.000.000**	**33.000.000**
- Nhận ký cược ký quỹ dài hạn	33.000.000	33.000.000
+ Công Ty TNHH Bất Động Sản CT	*33.000.000*	*33.000.000*
Cộng	**8.510.226.931**	**6.857.551.700**

16 . DOANH THU CHỜ PHÂN BỔ

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
16.1. Ngắn hạn	**662.860.284**	-
- Doanh thu nhận trước tiền cho thuê xưởng	662.860.284	-
Cộng	**662.860.284**	-

17 . TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI PHẢI TRẢ

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
17.1. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời khấu trừ	1.356.809.124	1.356.809.124
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	**1.356.809.124**	**1.356.809.124**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2026 kết thúc tại ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn	Cổ phiếu mua lại của chính mình	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	**1.016.000.660.000**	**653.799.946.443**	**(38.146.700)**	**25.505.108.600**	**799.051.813.368**	**2.494.319.381.711**
- Tăng vốn trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	18.690.937.892	18.690.937.892
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-
- Chia lãi hợp đồng hợp tác	-	-	-	(5.017.680.000)	-	(5.017.680.000)
- Chi phụ cấp HĐQT và UBKT	-	-	-	-	(661.000.000)	(661.000.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm nay	**1.016.000.660.000**	**653.799.946.443**	**(38.146.700)**	**20.487.428.600**	**817.081.751.260**	**2.507.331.639.603**
- Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	37.619.471.580	37.619.471.580
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-	-
- Chia lãi hợp đồng hợp tác	-	-	-	(2.508.840.000)	-	(2.508.840.000)
- Chi phụ cấp HĐQT và UBKT	-	-	-	-	(372.000.000)	(372.000.000)
- Giảm khác (điều chỉnh cổ phiếu lẻ)	-	-	(333.300)	-	333.300	-
Số dư cuối kỳ này	**1.016.000.660.000**	**653.799.946.443**	**(38.480.000)**	**17.978.588.600**	**854.329.556.140**	**2.542.070.271.183**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2026 kết thúc tại ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

18.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Vốn góp của các đối tượng khác	1.016.000.660.000	1.016.000.660.000
Cộng	**1.016.000.660.000**	**1.016.000.660.000**

18.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	06 tháng đầu năm 2026	06 tháng đầu năm 2025
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	1.016.000.660.000	1.016.000.660.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	1.016.000.660.000	1.016.000.660.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	-	-

18.4. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	101.600.066	101.600.066
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	101.600.066	101.600.066
+ Cổ phiếu phổ thông	*101.600.066*	*101.600.066*
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ, cổ phiếu mua lại của chính mình)	3.848	3.815
+ Cổ phiếu phổ thông	*3.848*	*3.815*
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	101.596.218	101.596.251
+ Cổ phiếu phổ thông	*101.596.218*	*101.596.251*
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

** Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu*

18.5. Lý do của tăng/giảm các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển: Chia lợi nhuận cố định theo hợp đồng hợp tác ký ngày 25/12/2019 để đầu tư mở rộng quy mô sản xuất giữa Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Bình Thạnh và Công Ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Da Giầy Sài Gòn được Hội đồng Quản trị thông qua tại Biên bản họp ngày 20/12/2019.

- Cổ phiếu mua lại của chính mình: Điều chỉnh 33,33 cổ phiếu lẻ sau khi phát hành 31.650.066 cổ phiếu phổ thông để trả cổ tức năm 2024 theo NQ số 01/2024NQ-ĐHĐCĐ/GIL ngày 04/06/2024 (Ngày thay đổi giấy phép lần thứ 27: 11/12/2024).

19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

19.1. Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- USD	1.610.991,60	1.477.229,65

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2026 kết thúc tại ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

19.2. Nợ khó đòi đã xử lý

Đối tượng	Số tiền (VND)	Thời điểm xóa sổ	Nguyên nhân xóa sổ
– Công Ty Sản Xuất Phim Việt Chuyên Đề	2.250.000	Năm 2017	Không thể thu hồi
+ Công Ty TNHH Đầu Tư Chiến Thắng	117.600.000	Năm 2017	Không thể thu hồi
+ Tô Thị Ngọc Thảo	20.000.000	Năm 2017	Không thể thu hồi
+ Công Ty TNHH Đức Nhân	396.635.955	Năm 2017	Không thể thu hồi
+ Công Ty CP Truyền Thông Ánh Sáng Xanh	7.700.000	Năm 2017	Không thể thu hồi
+ Công Ty CP Đầu Tư Xây Dựng Đất Phố	151.200.000	Năm 2017	Không thể thu hồi
+ Công Ty TNHH Phú Hải	4.331.067	Năm 2017	Không thể thu hồi
+ Công Ty Hoàng Gia	44.000.000	Năm 2017	Không thể thu hồi
+ Công Ty TNHH Đầu Tư Tiến Thắng	78.400.000	Năm 2017	Không thể thu hồi
+ Công Ty TNHH TM DV XD Kim Loan	71.148.000	Năm 2017	Không thể thu hồi
– Công Ty CP Klassy	1.406.354.260	Năm 2017	Không thể thu hồi
Cộng	**2.299.619.282**		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2026 kết thúc tại ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	06 tháng đầu năm 2026	06 tháng đầu năm 2025
1.1. Doanh thu		
- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa	314.034.037.570	136.532.864.674
- Doanh thu cung cấp dịch vụ (trừ dịch vụ xây dựng)	1.555.856.151	1.440.867.978
Cộng	**315.589.893.721**	**137.973.732.652**
1.2. Doanh thu đối với các bên liên quan		
Công Ty CP Sản Xuất Kinh Doanh Kim Khí Đại Tây Dương	360.386.994	358.745.983
Công Ty CP Sản Xuất và Kinh Doanh Thiết Bị Chiếu Sáng Thái Bình Dương	283.874.460	283.874.460
Công Ty TNHH May Thạnh Mỹ	196.872.378	13.400.000
Công Ty CP Khu Công Nghiệp Gilimex Bắc Giang	126.000.000	52.500.000
Công Ty TNHH Khu Công Nghiệp Gilimex Bắc Ninh	126.000.000	-

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	06 tháng đầu năm 2026	06 tháng đầu năm 2025
- Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa đã bán	246.892.792.071	113.603.322.353
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp (bao gồm cả dịch vụ xây dựng)	223.287.890	260.527.727
Cộng	**247.116.079.961**	**113.863.850.080**

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2026	06 tháng đầu năm 2025
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	218.786.529	12.200.856
- Hoàn nhập trích trước lãi tiền gửi do rút trước hạn	-	(186.602.740)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc tài sản phi tiền tệ	23.449.527.000	50.000.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.496.595.710	14.432.982.537
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.675.533.075	-
Cộng	**28.840.442.314**	**14.308.580.653**

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2026	06 tháng đầu năm 2025
- Chi phí đi vay	7.166.585.945	1.326.426.279
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.808.167.777	12.845.919.377
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	290.403.734
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác	6.381.648.640	5.397.498.508
Cộng	**17.356.402.362**	**19.860.247.898**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2026 kết thúc tại ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

5 . THU NHẬP KHÁC

	06 tháng đầu năm 2026	06 tháng đầu năm 2025
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	1.457.760.061
- Tiền phạt thu được	20.327.296	-
- Các khoản khác	43.615	4.128.757
Cộng	**20.370.911**	**1.461.888.818**

6 . CHI PHÍ KHÁC

	06 tháng đầu năm 2026	06 tháng đầu năm 2025
- Chi phí khấu hao, phân bổ không hợp lệ	221.671.492	-
- Các khoản bị phạt	13.500.000	11.754.494.539
- Các khoản chi phí khác	15.526.024	2.227.285.510
Cộng	**250.697.516**	**13.981.780.049**

7 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	06 tháng đầu năm 2026	06 tháng đầu năm 2025
7.1. Chi phí bán hàng		
- Chi phí nguyên, vật liệu	24.144.639	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	961.661.911	16.217.264
- Các khoản chi phí bán hàng khác	652.394.720	121.516.765
Cộng	**1.638.201.270**	**137.734.029**
7.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí công cụ, dụng cụ	256.041.816	636.600.308
- Chi phí nhân công	19.745.893.586	16.962.567.204
- Chi phí khấu hao	3.346.235.480	6.600.374.793
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.115.881.289	4.392.745.564
- Thuế, phí, lệ phí	4.711.047.446	3.030.846.642
- Các khoản chi phí QLDN khác	4.222.162.293	6.735.590.972
Cộng	**36.397.261.910**	**38.358.725.483**

8 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	06 tháng đầu năm 2026	06 tháng đầu năm 2025
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	164.071.010.773	100.131.909.209
- Chi phí nhân công	19.745.893.586	16.962.567.204
- Chi phí khấu hao TSCĐ	3.551.834.501	8.633.154.861
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	87.055.211.600	40.997.325.298
- Chi phí bằng tiền khác	10.727.592.681	6.880.098.910
Cộng	**285.151.543.141**	**173.605.055.482**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2026 kết thúc tại ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

9 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	06 tháng đầu năm 2026	06 tháng đầu năm 2025
- Lợi nhuận kế toán trước thuế	**41.692.063.927**	**(32.458.135.416)**
- Thuế tính theo thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	(21.329.102.192)	19.271.772.410
+ Các khoản điều chỉnh tăng	3.508.364.769	19.410.752.529
Chi phí không hợp lý hợp lệ	*3.508.364.769*	*19.237.326.026*
Lãi CLTG cuối kỳ (TGNH, phải thu) năm trước	-	*173.426.503*
+ Các khoản điều chỉnh giảm	(24.837.466.961)	(138.980.119)
Lãi CLTG cuối kỳ (TGNH, phải thu) năm nay	*(1.112.840.365)*	*(138.980.119)*
Lỗ CLTG cuối kỳ (TGNH, phải thu) năm trước	*(275.099.596)*	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	*(23.449.527.000)*	
- Chuyển lỗ các năm trước	**-**	**-**
- Tổng thu nhập chịu thuế	**20.362.961.735**	**(13.186.363.006)**
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	**4.072.592.347**	-
+ Thuế TNDN theo thuế suất thông thường	4.072.592.347	-
+ Thuế TNDN được miễn, giảm	-	-
+ Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
+ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu	-	-
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại	**-**	**-**
- Chi phí thuế TNDN (*)	**4.072.592.347**	-

(*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

1 . Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng: Không có

2 . Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ trong tương lai: Không có

3 . Số tiền đi vay thực thu trong kỳ	06 tháng đầu năm 2026	06 tháng đầu năm 2025
- Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	288.148.190.815	145.409.939.204

4 . Số tiền đã trả thực gốc vay trong kỳ	06 tháng đầu năm 2026	06 tháng đầu năm 2025
- Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	(257.944.760.840)	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2026 kết thúc tại ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

Nợ tiềm tàng:

Ngày 09/07/2026, Tòa án Quận Liên bang Hoa Kỳ khu vực Nam New York đã ban hành phán quyết sơ thẩm liên quan đến vụ kiện giữa Công ty và Amazon. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, vụ kiện vẫn đang trong quá trình tố tụng và Công ty đang thực hiện các quyền pháp lý theo quy định, bao gồm quyền kháng cáo. Liên quan đến vụ kiện, Công ty có thể phát sinh nghĩa vụ thanh toán một số khoản phí luật sư và chi phí tố tụng theo quyết định của Tòa án. Tại thời điểm lập báo cáo, các khoản nghĩa vụ này chưa được xác định cụ thể và Công ty chưa có đủ cơ sở để ước tính một cách đáng tin cậy giá trị nghĩa vụ có thể phát sinh.

2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

Ngày 10/08/2026, Công ty nhận được Đơn xin từ nhiệm chức vụ Giám đốc tài chính và Kế toán trưởng của bà Nguyễn Thị Minh Hiếu. Các thủ tục cần thiết liên quan đến việc từ nhiệm tại Công ty sẽ được thực hiện và bàn giao theo như quy định của pháp luật.

3 . Thay đổi các ước tính kế toán: Không có

4 . Thông tin về các bên liên quan

4.1. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ủy ban Kiểm toán.

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty và các thành viên quản lý chủ chốt:

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ủy ban Kiểm toán

	06 tháng đầu năm 2026	06 tháng đầu năm 2025
Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ủy ban Kiểm toán	660.000.000	680.000.000
Lương, thưởng của Ban Giám đốc	653.086.371	663.407.206

Cho 06 tháng đầu năm 2026 kết thúc tại ngày 30/06/2026

Họ và tên	Chức vụ	Lương, thưởng	Thù lao
Lê Hùng	Chủ tịch HĐQT	-	180.000.000
Nguyễn Hữu Phúc	Thành viên HĐQT	-	120.000.000
Hoàng Tiến Đạt	Thành viên HĐQT	-	120.000.000
Trần Thanh Tùng	Thành viên HĐQT - chủ tịch UBKT	-	120.000.000
Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên HĐQT và UBKT	-	120.000.000
Phạm Thị Ánh Nguyệt	Tổng Giám đốc	653.086.371	-
TỔNG CỘNG		**653.086.371**	**660.000.000**

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2025 kết thúc tại ngày 30/06/2025

Họ và tên	Chức vụ	Lương, thưởng	Thù lao
Lê Hùng	Chủ tịch HĐQT	-	180.000.000
Nguyễn Hữu Phúc	Thành viên HĐQT	-	120.000.000
Hoàng Tiến Đạt	Thành viên HĐQT	-	60.000.000
Trần Thanh Tùng	Thành viên HĐQT - chủ tịch UBKT	-	120.000.000
Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên HĐQT và UBKT	-	120.000.000
Nguyễn Việt Cường	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 15/04/2025)	-	80.000.000
Phạm Thị Ánh Nguyệt	Tổng Giám đốc	663.407.206	-
TỔNG CỘNG		**663.407.206**	**680.000.000**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2026 kết thúc tại ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Phải thu (Tạm ứng)		
+ Ông Hoàng Tiến Đạt	221.800.000	221.800.000

4.2. Giao dịch với các bên liên quan là tổ chức

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công Ty TNHH May Thạnh Mỹ	Công ty con	100,00%	100,00%
Công Ty CP SXKD Kim Khí Đại Tây Dương	Công ty con	99,95%	100,00%
Công Ty TNHH MTV Bất Động Sản Gia Định	Công ty con	100,00%	100,00%
Công Ty CP SXKD Thiết Bị Chiếu Sáng Thái Bình Dương	Công ty con	99,90%	99,90%
Công Ty TNHH MTV Gilimex Đồng Nai	Công ty con	100,00%	100,00%
Công Ty CP KCN Gilimex	Công ty con	78,46%	78,46%
Công Ty CP KCN Gilimex Bắc Giang	Công ty con	87,838%	87,838%
Công Ty CP KCN Gilimex Vĩnh Long	Công ty con	81,00%	95,00%
Công Ty CP ĐT Hạ Tầng BT	Công ty con	100,00%	100,00%
Công Ty CP Ichiban Star	Công ty con	99,99%	99,99%
Công Ty TNHH KCN Gilimex Bắc Ninh	Công ty con	78,46%	78,46%
Công Ty CP Đầu Tư và Phát Triển Hoàng An	Công ty liên kết	35,00%	35,00%

Trong kỳ Công ty có các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Giao dịch	06 tháng đầu năm 2026	06 tháng đầu năm 2025
Công Ty TNHH May Thạnh Mỹ	Mua hàng - Thuê gia công hàng	49.432.310.600	17.105.806.080
	Phạt ngoài định mức	20.327.296	-
	Bán hàng - Vận chuyển máy móc	-	13.400.000
	Mua nguyên vật liệu tái chế	-	45.910.140
	Bán hàng - Cho thuê xưởng	393.744.756	393.744.756
Công Ty CP SXKD Kim Khí Đại Tây Dương	Mua hàng - Mua nguyên vật liệu & thuê gia công hàng	-	4.977.573.648
	Bán hàng - Cho thuê xưởng	364.226.892	364.226.892
	Trả hộ tiền điện	178.273.548	176.632.537
Công Ty TNHH MTV Bất Động Sản Gia Định	Mua hàng - Thuê giám sát thi công công trình	-	750.000.000
Công Ty CP SXKD Thiết Bị Chiếu Sáng Thái Bình Dương	Bán hàng - Cho thuê xưởng	567.748.920	567.748.920
	Nhận cổ tức	23.449.527.000	-
	Vay ngắn hạn	-	10.000.000.000
	Lãi vay phải trả	218.191.782	26.520.548
	Bán hàng - Cho thuê máy	-	38.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2026 kết thúc tại ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

Công Ty TNHH MTV Gilimex Đồng Nai	Mua hàng - Thuê gia công hàng	7.284.362.000	2.157.050.000
Công Ty CP Ichiban Star	Cho vay ngắn hạn	120.000.000	-
Công Ty CP KCN Gilimex	Thanh lý tài sản cố định	-	250.000.000
Công Ty CP KCN Gilimex Bắc Giang	Nhận đặt cọc thuê xe	-	136.865.737
	Bán hàng - Cho thuê xe	126.000.000	52.500.000
Công Ty CP KCN Gilimex Vĩnh Long	Vay ngắn hạn	-	100.000.000.000
	Trả nợ gốc vay	48.750.000.000	-
	Lãi vay phải trả	1.819.349.312	1.228.356.160
Công Ty TNHH KCN Gilimex Bắc Ninh	Nhận đặt cọc thuê xe	-	-
	Bán hàng - Cho thuê xe	126.000.000	-
Công Ty CP ĐT Hạ Tầng BT	Góp vốn: Chuyển tiền góp vốn	-	10.000.000
Công Ty CP Đầu Tư và Phát Triển Hoàng An	Cho vay ngắn hạn	15.000.000	-

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, các khoản công nợ phải thu, phải trả đối với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công Ty TNHH May Thạnh Mỹ	Trả trước tiền hàng	35.143.542.672	20.844.210.664
	Phải thu tiền phí gia công hàng	455.072.712	-
Công Ty CP SXKD Kim Khí Đại Tây Dương	Phải trả tiền hàng	4.130.018.360	4.723.742.617
Công Ty Cổ Phần Ichiban Star	Phải thu tiền cho vay	370.000.000	250.000.000
Công Ty TNHH MTV BĐS Gia Định	Trả trước phí giám sát thi công	14.088.702.830	13.938.702.830
Công Ty CP SXKD Thiết Bị Chiếu Sáng Thái Bình Dương	Phải trả tiền phí gia công hàng	3.290.187.600	3.290.187.600
	Phải trả tiền vay	10.000.000.000	10.000.000.000
	Phải trả lãi vay	466.520.550	248.328.768
Công Ty TNHH Gilimex Đồng Nai	Phải trả tiền hàng, thuê máy	4.979.044.943	6.004.815.335
Công ty CP KCN Gilimex Vĩnh Long	Phải trả tiền vay	36.250.000.000	85.000.000.000
	Phải trả lãi vay	5.366.883.549	3.547.534.237
Công Ty TNHH KCN Gilimex Bắc Ninh	Nhận đặt cọc thuê xe	136.865.737	136.865.737
Công ty CP KCN Gilimex Bắc Giang	Nhận đặt cọc thuê xe	136.865.737	136.865.737
Công Ty CP Đầu Tư và Phát Triển Hoàng An	Cho vay ngắn hạn	82.000.000	67.000.000

5 . Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hiện tại hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu tập trung vào một nhóm sản phẩm ..., không phải là doanh nghiệp hoạt động đa ngành nghề, cung cấp nhiều nhóm sản phẩm và dịch vụ, do đó Hội đồng Quản trị quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Sản phẩm của Công ty chủ yếu được tiêu thụ tại cùng một khu vực địa lý, không có sự khác biệt đáng kể về lợi ích kinh tế hay chịu rủi ro, dó đó Hội đồng Quản trị cũng quyết định chưa áp dụng Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2026 kết thúc tại ngày 30/06/2026

6. Quản lý rủi ro của Công ty

Nợ phải trả tài chính chủ yếu của Công ty bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, đầu tư chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã thiết lập hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Hội đồng Quản trị liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Hội đồng Quản trị Công ty xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro trên như sau:

6.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu chuyển đổi, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

a. Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Rủi ro về thay đổi tỷ giá ngoại tệ của Công ty chủ yếu liên quan đến các hoạt động của Công ty (khi doanh thu hoặc chi phí có gốc ngoại tệ khác so với tiền tệ chức năng của Công ty).

Độ nhạy về ngoại tệ

Công ty có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua và bán hàng hoá bằng các đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty. Tuy nhiên, Công ty thu, chi trực tiếp bằng đồng ngoại tệ nên Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ.

b. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

c. Rủi ro về giá

Rủi ro về giá cổ phiếu:

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2026 kết thúc tại ngày 30/06/2026

Rủi ro về giá bất động sản:

Công ty đã xác định được rủi ro sau liên quan đến danh mục đầu tư bất động sản của Công ty:
- Việc chi phí của các dự án phát triển có thể tăng nếu có sự chậm trễ trong quá trình lập kế hoạch. Để hạn chế rủi ro này Công ty thuê các chuyên gia cố vấn chuyên về các yêu cầu lập kế hoạch cụ thể trong phạm vi dự án nhằm giảm các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình lập kế hoạch.
- Rủi ro giá trị hợp lý của doanh mục đầu tư bất động sản do các yếu tố cơ bản của thị trường và người mua.

6.2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng và từ hoạt động tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng, ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

a. Đối với khoản phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

b. Đối với tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6.3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Phần lớn phát sinh nghĩa vụ phải trả của Công ty đều được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi và các khoản phải thu và tài sản có kỳ hạn ngắn hạn. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi thanh khoản đối với việc thực hiện nghĩa vụ tài chính là thấp.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp với các khoản vay ở mức độ mà Hội đồng Quản trị cho là đủ đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	< 1 năm	Từ 01 - 05 năm	> 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	240.376.659.970	-	-	240.376.659.970
Phải trả người bán	74.015.396.850	-	-	74.015.396.850
Chi phí phải trả	968.648.545	-	-	968.648.545
Các khoản phải trả khác	8.477.226.931	33.000.000	-	8.510.226.931
Số đầu năm				
Vay và nợ	210.441.538.827	-	-	210.441.538.827
Phải trả người bán	71.981.874.658	-	-	71.981.874.658
Chi phí phải trả	377.451.186	-	-	377.451.186
Các khoản phải trả khác	6.824.551.700	33.000.000	-	6.857.551.700

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2026 kết thúc tại ngày 30/06/2026

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng một phần tiền gửi có kỳ hạn, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Quân Đội (Thuyết minh V.10). Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, giá trị ghi sổ của các tài sản đảm bảo này được thuyết minh chi tiết ở Thuyết minh V.3, V.8 và V.9.

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 và ngày 31 tháng 12 năm 2025.

7. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính như sau:

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.348.324.565	56.998.460.298	44.348.324.565	56.998.460.298
Phải thu khách hàng	52.080.128.509	40.849.926.608	52.080.128.509	40.849.926.608
Trả trước cho người bán	201.050.551.929	183.273.323.658	201.050.551.929	183.273.323.658
Các khoản phải thu khác	34.823.032.694	33.058.879.199	34.823.032.694	33.058.879.199
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	74.015.396.850	71.981.874.658	74.015.396.850	71.981.874.658
Người mua trả tiền trước	4.009.621.940	4.546.538.400	4.009.621.940	4.546.538.400
Vay và nợ	240.376.659.970	210.441.538.827	240.376.659.970	210.441.538.827
Phải trả người lao động	2.665.390.554	5.400.177.581	2.665.390.554	5.400.177.581
Chi phí phải trả	968.648.545	377.451.186	968.648.545	377.451.186
Các khoản phải trả khác	8.510.226.931	6.857.551.700	8.510.226.931	6.857.551.700

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại cuối niên độ kế toán cuối kỳ do Thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

8. Điều chỉnh trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kỳ trước do các thay đổi trong chính sách kế toán của kỳ này: Không có

9. Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

10. Các giả định, ước tính quan trọng: Không có

11. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Bảng cân đối kế toán riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2025 kết thúc tại ngày 30/06/2025 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam - AASCS kiểm toán và soát xét.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 06 tháng đầu năm 2026 kết thúc tại ngày 30/06/2026

Số liệu này được trình bày và phân loại lại theo Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính, Công ty thực hiện điều chỉnh một số chỉ tiêu đầu kỳ của Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ cho 06 tháng đầu năm 2026 kết thúc tại ngày 30/06/2026 như sau:

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Thông tư 99/2025/TT-BTC	Thông tư 200/2014/TT-BTC	Chênh lệch
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG					
			TÀI SẢN		
1	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	80.501.370	-	80.501.370
2	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265	250.000.000	-	250.000.000
3	Phải thu ngắn hạn khác	136	31.794.459.199	31.874.960.569	(80.501.370)
4	Phải thu cho vay ngắn hạn		-	250.000.000	(250.000.000)
			NỢ PHẢI TRẢ		
1	Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	590.506.925	-	590.506.925
2	Phải trả ngắn hạn khác	320	6.824.551.700	7.415.058.625	(590.506.925)

Phê duyệt, ngày 27 tháng 08 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Người đại diện theo pháp luật
Dương Ngọc Hải	Nguyễn Thị Minh Hiếu	Lê Hùng